

Số: 1945/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm 2023 cho sinh viên hình thức chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Công văn số 14626/BTC-KHTC ngày 16 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với sinh viên các Trường thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-ĐHTCM ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định trích lập và sử dụng Quỹ hỗ trợ sinh viên Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-ĐHTCM ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành Quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên hình thức chính quy;

Căn cứ hồ sơ xin trợ cấp xã hội của sinh viên và Thông báo số 1576/TB-ĐHTCM ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về kết luận của Chủ tịch hội đồng tại cuộc họp xét miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ học phí kỳ 2 năm 2023 cho sinh viên hình thức chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp xã hội học kỳ 2 năm 2023 cho **45 sinh viên** hình thức chính quy với tổng số tiền là: **19.120.000đ** (Mười chín triệu một trăm hai mươi ngàn đồng chẵn).

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Căn cứ danh sách sinh viên và mức trợ cấp xã hội, Phòng Kế hoạch – Tài chính thực hiện trợ cấp xã hội cho sinh viên theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) trưởng các Khoa: Công nghệ thông tin, Du lịch, Kế toán – Kiểm toán, Kinh tế – Luật, Marketing, Ngoại ngữ, Quản trị kinh doanh, Tài chính – Ngân hàng, Thẩm định giá – Kinh doanh bất động sản, Thuế – Hải quan, Thương mại; Đoàn thanh niên; các phòng: Công tác sinh viên, Kế hoạch – Tài chính, Thanh tra giáo dục, Quản lý đào tạo, Khảo thí và Quản lý chất lượng và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *W*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, KHTC, CTSV. *✓*

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Lê Trung Đạo



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP: TRỢ CẤP XÃ HỘI KỲ 2 NĂM 2023 CHO SINH VIÊN
HÌNH THỨC CHÍNH QUY**

STT	Khóa học	Mức trợ cấp: 560.000		Mức trợ cấp: 400.000		Tổng cộng	
		Số lượng SV	Mức trợ cấp(đ)	Số lượng SV	Mức trợ cấp(đ)	Số lượng SV	Số tiền trợ cấp (đ)
I	Trợ cấp xã hội thực hiện theo Công văn số 14626/BTC-KHTC của Bộ Tài chính.						
1	20D	2	560.000	9	400.000	11	4.720.000
2	21D	3	560.000	17	400.000	20	8.480.000
3	22D	2	560.000	12	400.000	14	5.920.000
	Cộng:	7		38		45	19.120.000

Trong đó:

SV là người DT, sống ở vùng cao:

7

SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo):

32

SV mồ côi cả cha lẫn mẹ:

6

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ~~26~~ 26 tháng 7 năm 2023
TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

ThS. Nguyễn Thanh Hải

STT	MSSV	Họ	Tên	Dân tộc	Lớp	Đối tượng được TCXH	Mức trợ cấp	Số tháng	Thành tiền (đ)	Số TK Ngân hàng
V	Khoa Marketing									
1	2021003828	K Thị Thương	Thương	Ê Đê	20DMA1	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	1017333897
2	2021000640	Đinh Ngọc	My	Khơ Me	20DMA2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017333192
3	2021000571	Nông Thành	Son	Tày	20DQH1	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	1017333177
4	2021008473	Trần Thị Xuân	Mai	Kinh	CLC_20DMA07	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	1017598177
5	2121011511	Nguyễn Thị	Hòa	Tày	21DMC2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461114
6	2121012211	Hứa Thị	Minh	Nùng	21DMC2	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	31310001461318
7	2121007628	Nguyễn Thị Hoa	Mỹ	Kinh	21DMC2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460953
8	2121007557	Lê Phú	Hào	Kinh	21DMC3	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461239
9	2121007545	Đặng Thị Hoài	Thu	Kinh	21DMC3	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461424
10	2221004904	H' Oanh	Niê	Ê đê	22DMA03	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	31310001598696
11	2221004892	Thái Xuân	Hằng	KINH	22DMA04	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	31310001586567
12	2221001375	Châu Thị Kim	Oanh	Chăm	22DMA04	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001586309
13	2221001397	Nông Thị Mỹ	Tâm	Nùng	22DMA04	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001586363
14	2221004899	Sầm Minh	Khoa	Tày	22DMA05	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001586804
		Cộng:	14						6.240.000	
VI	Khoa Ngoại ngữ									
1	2021007723	Trần Thị Ánh	Tuyết	Kinh	20DTA03	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017597555
2	2121013047	Lý Thị Trúc	Ly	Kinh	21DTA03	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001482601
		Cộng:	2						800.000	

STT	MSSV	Họ	Tên	Dân tộc	Lớp	Đối tượng được TCXH	Mức trợ cấp	Số tháng	Thành tiền (đ)	Số TK Ngân hàng
VII Khoa Quản trị kinh doanh										
1	2021003507	Lý Thu	Hiền	Hoa	20DBH2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017333796
2	2021003398	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	Kinh	20DQT4	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017333759
3	2121006649	Võ Thị Thảo	Linh	Kinh	21DBH1	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460759
4	2121007088	Lê Xuân	Huân	Kinh	21DBH2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001462162
5	2121006645	Nguyễn Thị Phương	Chi	Kinh	21DQT3	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001461035
6	2221000779	Lê Thị Hồng	Tươi	Kinh	22DQT09	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001591118
7	2221001147	Nguyễn Chung	Tú	Kinh	CLC_22DQT02	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1032644370
		Cộng:	7						2.800.000	
VIII Khoa Tài chính - Ngân hàng										
1	2021005222	Mai Thành	Đạt	Kinh	20DNH1	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1016996563
2	2221002882	Nguyễn Nhim Minh	Anh	Kinh	22DTC06	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001595721
3	2121013086	Trần Y Thanh	Trúc	Xê đăng	CLC_21DNH02	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	1024272812
		Cộng:	3						1.360.000	
IX Khoa Thẩm định giá - Kinh doanh bất động sản										
1	2221003262	Ngọc Thị Minh	Thư	Tày	22DTC05	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	31310001595606
		Cộng:	1						560.000	
X Khoa Thuế - Hải quan										
1	2021005402	Huỳnh Ngọc Thùy	Vân	Kinh	20DHQ1	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1017334252
2	2121008455	Trần Duy	Phúc	Kinh	21DHQ2	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	31310001489888
3	2121008640	Trần Thị Mỹ	Thơm	Kinh	21DPF	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	31310001460801

STT	MSSV	Họ	Tên	Dân tộc	Lớp	Đối tượng được TCXH	Mức trợ cấp	Số tháng	Thành tiền (đ)	Số TK Ngân hàng
4	2221003166	Hồ Lê Huỳnh	Như	Kinh	22DTC03	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001594454
		Cộng:	4						1.600.000	
XI	Khoa Thương mại									
1	2121013574	Nguyễn Vy	Quý	Kinh	21DLG2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001460935
2	2121012941	Bùi Thị Ngọc	Ánh	Mường	21DTM1	SV là người DT, sống ở vùng cao	140.000	4	560.000	31310001481787
3	2121002186	Lê Thị	Vinh	Kinh	21DTM2	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	31310001501807
4	2221002385	Lê Thị Cẩm	Tú	Kinh	22DKQ01	Sinh viên mồ côi cả Cha lẫn Mẹ	100.000	4	400.000	31310001580143
5	2221002810	Nguyễn Quỳnh Như	Ý	Kinh	CLC_22DTM05	SV có hoàn cảnh ĐBKK (Hộ nghèo)	100.000	4	400.000	1032646724
		Cộng:	5						2.160.000	
		Tổng cộng:	45	sinh viên					19.120.000	

Bằng chữ: Mười chín triệu một trăm hai mươi ngàn đồng chẵn./.

NGƯỜI LẬP

TP. CÔNG TÁC SINH VIÊN

TP. KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG






Thái T. Lan Anh

ThS. Nguyễn Thanh Hải

TS. Hoàng Thái Hưng

TS. Lê Trung Đạo